

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6-20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty theo Nghị quyết số 021/15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/03/2015 và Quyết định số 038/15/QĐ-HĐQT ngày 12/05/2015 đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Từ Giang	Chủ tịch
Ông Lê Hưng	Thành viên
Ông Hoàng Huy Hà	Thành viên
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nam Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lưu Tâm	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Lê Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,891,301,724,969	1,728,208,585,237
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	330,684,538,223	1,013,571,500,908
1. Tiền	111		330,684,538,223	721,151,500,908
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	292,420,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	128		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,385,394,013,916	523,723,091,967
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	20,651,504,781	46,347,231,689
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		992,712,176,096	396,659,688,842
3. Phải thu theo tiến độ của hợp đồng xây dựng	134		331,203,155,579	-
4. Các khoản phải thu khác	136	7	40,814,222,870	80,703,216,846
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12,954,590	12,954,590
IV. Hàng tồn kho	140		141,631,869,959	188,153,143,116
1. Hàng tồn kho	141	8	141,631,869,959	188,153,143,116
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33,591,302,871	2,760,849,246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1,474,536,029	2,613,051,540
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20,533,648,615	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		11,583,118,227	147,797,706
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+240+260)	200		753,607,450,895	825,445,756,432
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	218			
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		611,957,692,733	681,067,142,108
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	608,351,431,288	675,500,162,632
- Nguyên giá	222		1,274,531,300,532	1,270,600,105,749
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(666,179,869,244)	(595,099,943,117)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	3,606,261,445	5,566,979,476
- Nguyên giá	228		41,132,298,145	41,132,298,145
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37,526,036,700)	(35,565,318,669)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4,089,971,250	4,089,971,250
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	4,089,971,250	4,089,971,250
IV. Tài sản dài hạn khác	260		137,559,786,912	140,288,643,074
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	132,222,993,365	134,951,849,527
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	5,336,793,547	5,336,793,547
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,644,909,175,864	2,553,654,341,669

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,200,063,419,832	2,129,411,040,597
I. Nợ ngắn hạn	310		1,574,958,970,735	1,465,422,849,300
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		128,854,985,450	113,841,943,911
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	257,990,282,775	257,973,182,775
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	668,114,488	33,216,442,758
4. Phải trả người lao động	314		10,958,833,385	10,374,113,848
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	63,487,126,936	70,566,600,192
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	17	-	418,116,435,521
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	25,780,047,316	61,294,069,986
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	1,084,534,010,789	497,272,490,713
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,685,569,596	2,767,569,596
II. Nợ dài hạn	330		625,104,449,097	663,988,191,297
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	625,104,449,097	663,988,191,297
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		444,845,756,032	424,243,301,072
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	443,419,619,003	421,776,250,374
1. Vốn cổ phần	411		594,897,870,000	594,897,870,000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2,597,721,463	2,597,721,463
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(154,075,972,460)	(175,719,341,089)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(175,719,341,089)	(195,917,007,073)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		21,643,368,629	20,197,665,984
II. Nguồn kinh phí sự nghiệp	430		1,426,137,029	2,467,050,698
1. Nguồn kinh phí	431		913,634,286	913,634,286
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		512,502,743	1,553,416,412
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		2,644,909,175,864	2,553,654,341,669

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

30/06/2015

31/12/2014

1. Ngoại tệ các loại

Đô la Mỹ

Đồng Euro

1,040,355,15

11.747.504,69

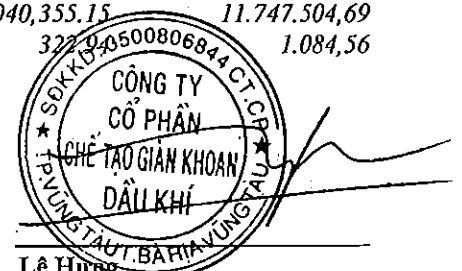
322.930500806844

1.084,56

Nguyễn Phương Hương
 Người lập biểu

Nguyễn Văn Quang
 Kế toán trưởng

Lê Hùng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 07 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

MẪU SỐ B 02-DN

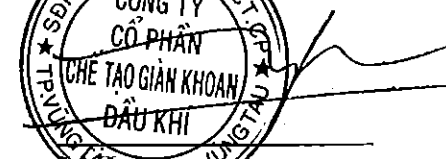
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu gộp	01	23	503,593,048,465	330,847,347,241	784,901,132,182	331,579,914,442
2. Doanh thu thuần (10=01)	10		503,593,048,465	330,847,347,241	784,901,132,182	331,579,914,442
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	24	454,683,147,660	291,442,260,630	711,748,521,895	291,442,260,630
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		48,909,900,805	39,405,086,611	73,152,610,287	40,137,653,812
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1,876,847,234	4,361,062,011	5,360,617,056	9,214,864,940
6. Chi phí tài chính	22	26	27,781,131,191	17,022,075,396	41,104,317,961	32,671,724,951
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15,122,068,925	15,944,937,684	27,611,916,316	31,714,656,273
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,269,762,476	7,847,792,359	14,589,145,446	14,176,375,123
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		15,735,854,372	18,896,280,867	22,819,763,936	2,504,418,678
9. Thu nhập khác	31		535,958,785	152,966,450	577,882,743	209,810,261
10. Chi phí khác	32		10,698,166	7,173,834,025	1,754,278,050	11,446,313,908
11. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40	27	525,260,619	(7,020,867,575)	(1,176,395,307)	(11,236,503,647)
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		16,261,114,991	11,875,413,292	21,643,368,629	(8,732,084,969)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-	-	-
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		16,261,114,991	11,875,413,292	21,643,368,629	(8,732,084,969)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	273.34	200	363.82	(147)


Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng




Tông Giám đốc
Ngày 10 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	21,643,368,629	(8,732,084,969)
2. Điều chỉnh cho các khoản:		58,541,167,347	95,837,340,120
Khấu hao tài sản cố định	2	71,999,730,489	71,758,434,464
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	584,588,106
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(2,161,828,630)	(8,220,338,723)
Chi phí lãi vay	6	(11,296,734,512)	31,714,656,273
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	80,184,535,976	87,105,255,151
Biến động các khoản phải thu	9	(893,639,891,085)	(85,219,636,137)
Biến động hàng tồn kho	10	46,521,273,157	(79,528,700,188)
Biến động các khoản phải trả	11	(466,346,664,129)	78,053,511,183
Biến động chi phí trả trước	12	3,867,371,673	1,101,955,590
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(23,061,800,756)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	474,000,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(82,000,000)	(4,023,141,989)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,229,495,374,408)	(25,098,557,146)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(3,931,194,783)	(18,563,999,917)
2. Thu lãi tiền gửi	27	2,161,828,630	8,803,672,056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1,769,366,153)	(9,760,327,861)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông	32	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	873,418,392,345	12,284,136,000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(325,040,614,469)	(224,279,600)
4. Thanh toán lãi vay và cổ tức	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	548,377,777,876	12,059,856,400
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	(682,886,962,685)	(22,799,028,607)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1,013,571,500,908	766,437,653,703
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	306,905,531
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	330,684,538,223	743,945,530,627

Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng


 Lê Hùng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500806844 ngày 09 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 712 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 719 nhân viên).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2014</u> <u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 6
Phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Tài sản khác	3

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị san lấp mặt bằng và công cụ dụng cụ được chuyển từ tài sản cố định hữu hình sang theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do có nguyên giá dưới 30 triệu đồng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1,819,469,580	3,054,338,539
Tiền gửi ngân hàng	307,632,495,657	718,097,162,369
Tiền đang chuyển	21,232,572,986	
Các khoản tương đương tiền		292,420,000,000
	<u>330,684,538,223</u>	<u>1,013,571,500,908</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (*)	2,839,056,000	37,434,060,682
Công ty Cổ phần Hàng Hải Semco Việt nam	7,475,447,458	254,826,000
UMW OFFSHORE DRILLING SDN BHD	3,698,164,067	
Khách hàng khác	6,638,837,256	8,658,345,007
	<u>20,651,504,781</u>	<u>46,347,231,689</u>

(*) Khoản phải thu Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro liên quan đến chi phí thuê nghiêng giàn Tam Đảo.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2015		31/12/2014	
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu (*)		-	20,993,569,199	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí (PSI) (**)	15,690,145,090	-	16,172,060,520	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương CN Vũng Tàu		-	36,591,902,968	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 4, TP HCM (***)	20,000,000,000	-		-
Khách hàng khác	5,124,077,780	-	6,945,684,159	-
	<u>40,814,222,870</u>	<u>-</u>	<u>80,703,216,846</u>	<u>-</u>

(**) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí (PSI) tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 thể hiện khoản cổ tức Công ty đã chuyển cho PSI nhưng PSI chưa thanh toán cho các cổ đông của Công ty.

(***) Khoản phải thu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 4, TP HCM tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 thể hiện khoản ký quỹ mở LC thanh toán các khoản nhập máy móc thiết bị cho dự án TĐ05.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		31/12/2014	
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường		-	13,525,927,987	-
Nguyên liệu, vật liệu	135,486,777,128	-	167,267,280,981	-
Công cụ, dụng cụ	6,145,092,831	-	7,359,934,148	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		-		-
	<u>141,631,869,959</u>	<u>-</u>	<u>188,153,143,116</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	Khác	Tổng
Tại ngày 01/04/2015	737,423,602,480	117,774,575,944	397,516,923,844	9,265,359,411	3,850,699,617	8,262,116,763	1,274,093,278,059
Tăng trong kỳ		407,192,673		30,829,800			438,022,473
Kết chuyển từ chi phí XD CBDD							
Tại ngày 30/06/2015	737,423,602,480	118,181,768,617	397,516,923,844	9,296,189,211	3,850,699,617	8,262,116,763	1,274,531,300,532
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2015	377,870,976,870	72,343,100,149	160,700,433,640	8,303,017,856	3,305,416,438	8,148,317,479	630,671,262,432
Khấu hao trong kỳ	22,344,213,979	4,287,891,781	8,578,814,877	254,489,073	32,780,436	10,416,666	35,508,606,812
Tại ngày 30/06/2015	400,215,190,849	76,630,991,930	169,279,248,517	8,557,506,929	3,338,196,874	8,158,734,145	666,179,869,244
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 30/06/2015	337,208,411,631	41,550,776,687	228,237,675,327	738,682,282	512,502,743	103,382,618	608,351,431,288

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 28.650.308.614 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 22.063.292.785 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/04/2015	17,966,543,935	23,165,754,210	41,132,298,145
Tăng trong kỳ			-
Tại ngày 30/06/2015	<u>17,966,543,935</u>	<u>23,165,754,210</u>	<u>41,132,298,145</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/04/2015	13,863,943,051	22,716,657,743	36,580,600,794
Khấu hao trong kỳ	496,339,439	449,096,467	945,435,906
Tại ngày 30/06/2015	<u>14,360,282,490</u>	<u>23,165,754,210</u>	<u>37,526,036,700</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2015	<u>3,606,261,445</u>	<u>-</u>	<u>3,606,261,445</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 35.269.773.145 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 28.880.566.575 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Tại ngày đầu kỳ	4,089,971,250	3,691,278,775
Tăng trong kỳ		24,475,103,082
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình		(18,676,410,607)
Kết chuyển sang tài sản vô hình	-	(5,400,000,000)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	-	-
Kết chuyển sang chi phí khác	-	-
	<u>4,089,971,250</u>	<u>4,089,971,250</u>
	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi tiết hạng mục XD CB (*)		
Nhà xe, 2 cái	143,088,874	143,088,874
Bàn Slab	1,735,085,021	1,735,085,021
Khung vận chuyển Block	947,303,324	947,303,324
Sửa nhà Shelter Hull	170,818,265	170,818,265
Sửa nhà Shelter Leg	395,323,192	395,323,192
Container đi biển	72,247,470	72,247,470
Bồn ASME	615,084,268	615,084,268
Container PCCC - P.ATSKMT	11,020,836	11,020,836
	<u>4,089,971,250</u>	<u>4,089,971,250</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1,231,046,674	2,255,329,507
Khác	243,489,355	357,722,033
	<u>1,474,536,029</u>	<u>2,613,051,540</u>
a) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	2,292,595,632	1,647,293,921
Tiền thuê đất	127,272,793,558	128,813,572,156
Khác	2,657,604,175	4,490,983,450
	<u>132,222,993,365</u>	<u>134,951,849,527</u>

(*) Tiền thuê đất thể hiện tiền thuê mặt bằng tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích 39,8 ha theo Hợp đồng thuê số CN0107001/HDKT -PVSB ngày 06 tháng 12 năm 2007 đã ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đĩnh cho mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng, kho bãi phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn thuê tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2057.

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm nay và năm trước:

	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Các khoản lỗ tính thuế	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	351,294,804		351,294,804
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	(274,568,421)	8,200,433,699	7,925,865,278
Tại ngày 31/12/2013	<u>76,726,383</u>	<u>8,200,433,699</u>	<u>8,277,160,082</u>
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	(88,652,548)	(2,851,713,987)	(2,940,366,535)
Tại ngày 31/12/2014	<u>(11,926,165)</u>	<u>5,348,719,712</u>	<u>5,336,793,547</u>
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ			
Tại ngày 31/03/2015	<u>(11,926,165)</u>	<u>5,348,719,712</u>	<u>5,336,793,547</u>
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ			
Tại ngày 30/06/2015	<u>(11,926,165)</u>	<u>5,348,719,712</u>	<u>5,336,793,547</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 126.840.496.019 đồng (năm 2014: 142.881.533.738 đồng) có thể được dùng để khấu trừ các khoản lợi nhuận trong tương lai. Trong đó:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kết chuyển trong thời gian 5 năm kể từ năm sau năm phát sinh lỗ. Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ hết hạn vào năm 2018.

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	257,973,182,775	257,973,182,775
Khác	17,100,000	
	<u>257,990,282,775</u>	<u>257,973,182,775</u>

Trong năm 2013, Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro ("Vietsovpetro") tạm ứng 10% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận trên Hợp đồng số 885/13/T-N4/KB-PVShipyard ngày 29 tháng 11 năm 2013 liên quan đến dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05 được ký kết giữa Công ty và Vietsovpetro. Khoản tạm ứng này được căn trừ dần vào các lần thanh toán kế tiếp theo quy định cụ thể trên hợp đồng. Số dư người mua trả tiền trước tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 thể hiện số tiền tạm ứng còn lại của Vietsovpetro chưa được căn trừ.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng		31,015,055,792
Thuế thu nhập cá nhân	668,114,488	474,430,936
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế khác		1,726,956,030
	<u>668,114,488</u>	<u>33,216,442,758</u>

Tình hình tăng giảm các khoản thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	31,015,055,792	(2,004,545)	31,105,627,662	(92,576,415)
Thuế thu nhập cá nhân	474,430,936	4,719,363,795	4,525,680,243	668,114,488
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế khác	1,726,956,030	11,637,998,351	17,914,110,662	(4,549,156,281)
	<u>33,216,442,758</u>	<u>16,355,357,601</u>	<u>53,545,418,567</u>	<u>(3,973,618,208)</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	52,124,590,124	60,794,154,777
Giá trị còn lại của gói XL2 theo Báo cáo kiểm toán	7,018,078,517	7,018,078,517
Chi phí khác	4,344,458,295	2,754,366,898
	<u>63,487,126,936</u>	<u>70,566,600,192</u>

17. PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng thể hiện khoản chênh lệch giữa khoản tiền Vietsovpetro đã thanh toán cho dự án xây dựng giàn Tam Đảo 05 theo tiến độ thanh toán quy định trong Hợp đồng số 0885/13/T-N4/KB-PVShipyard ngày 29 tháng 11 năm 2013 với doanh thu đã ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành cho dự án tại ngày 30 tháng 06 năm 2015.

36
CC
CỔ
ĐẦU
T.B

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả cổ tức	19,966,394,800	20,473,674,200
Kinh phí công đoàn	976,423,638	265,171,527
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam (*)		35,016,871,164
Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam (**)	3,249,003,505	3,249,003,505
Phải trả khác	1,588,225,373	2,289,349,590
	<u>25,780,047,316</u>	<u>61,294,069,986</u>

(**) Phải trả Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam là khoản Tạm ứng bồi thường tổn thất thiết bị BOP giàn Tam Đảo 03 chưa quyết toán.

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2015		Trong kỳ		31/12/2014	
	<u>VND</u>	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	<u>VND</u>	Số có khả năng trả
Vay ngắn hạn (*)	967,534,010,789	967,534,010,789	834,302,134,545	203,468,356,669	336,700,232,913	336,700,232,913
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	117,000,000,000	117,000,000,000	39,000,000,000	82,572,257,800	160,572,257,800	160,572,257,800
	<u>1,084,534,010,789</u>	<u>1,084,534,010,789</u>	<u>873,302,134,545</u>	<u>286,040,614,469</u>	<u>497,272,490,713</u>	<u>497,272,490,713</u>

Vay ngắn hạn (*) thể hiện các khoản vay bằng đồng Đô la Mỹ từ các ngân hàng sau:

	30/06/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NH TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Vũng Tàu	401,132,173,824	336,700,232,913
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	238,510,419,009	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 4, TP HCM	327,891,417,956	
	<u>967,534,010,789</u>	<u>336,700,232,913</u>

Khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng có thời hạn đáo hạn trong vòng 2-6 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 2-2.3%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng.

Nợ dài hạn đến hạn trả (***) là khoản nợ gốc đến hạn trả trong vòng 12 tháng (đến 30/6/2016 kể từ ngày lập BCTC quý II/2015) từ 02 khoản vay ủy thác của PVN tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu.

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (gọi tắt là "PVcomBank") gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HĐTDUT/TCĐK-CNVT.TD ngày 17 tháng 5 năm 2011 với số tiền 641.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HĐTDUT/TCĐK-CNVT.TD. Khoản vay này là khoản vay tín chấp và đã được giải ngân hết trong năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TC DK-CNV.TD ngày 18 tháng 3 năm 2011 với số tiền tối đa là 250.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVFC tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVFC đến ngày 06 tháng 4 năm 2012. Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng trong năm 2011 và 30.363.179.097 đồng trong năm 2012.

Ngày 09 tháng 5 năm 2013, Công ty và PVcomBank đã ký hai Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TC DK-CNV.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay này được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Hai khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng 100% lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Căn cứ theo Nghị quyết của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ngày 05 tháng 12 năm 2014, khoản vay của hai hợp đồng tín dụng trên sẽ được ân hạn trả nợ gốc tới hết năm 2013. Cụ thể, khoản nợ đảo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được trả vào năm 2015, khoản nợ gốc còn lại sẽ được trả trong 19 kỳ (6 tháng một lần) bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2015 tới ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Căn cứ theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/07/HDTDUT/TC DK-CNV.TD và số 03/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV.TD ngày 29/06/2015. Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

NH TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Vũng Tàu	401,132,173,824	336,700,232,913
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	238,510,419,009	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 4, TPHCM	327,891,417,956	
	<u>967,534,010,789</u>	<u>336,700,232,913</u>

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

30/06/2015	31/12/2014
VND	VND

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2014	594,897,870,000	2,597,721,463	(175,719,341,089)	421,776,250,374
Lợi nhuận trong kỳ			5,382,253,638	5,382,253,638
Số dư tại ngày 31/03/2015	594,897,870,000	2,597,721,463	(170,337,087,451)	427,158,504,012
Lợi nhuận trong kỳ			16,261,114,991	16,261,114,991
Số dư tại ngày 30/6/2015	594,897,870,000	2,597,721,463	(154,075,972,460)	443,419,619,003

Cổ phần

	30/06/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	59.489.787	59.489.787

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông và vốn cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2015 và 31/12/2014		
	%	Số cổ phần	Vốn đã góp (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	28.75	17,105,643	171,056,430,000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7.53	4,479,257	44,792,570,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.03	2,400,000	24,000,000,000
Xi nghiệp liên doanh Dầu khí Việt-Xô	3.63	2,161,300	21,613,000,000
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	4.03	2,400,000	24,000,000,000
Công ty Cổ phần LILAMA 18	3.03	1,800,000	18,000,000,000
Các cổ đông khác	49.00	29,143,587	291,435,870,000
	100	59,489,787	594,897,870,000

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên. Trong năm hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

23. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND		
Hợp đồng xây dựng (TĐ05)	473,201,000,408	247,082,224,188	749,319,591,100	247,082,224,188
Hợp đồng nâng cấp, sửa chữa khác	26,839,536,247	77,346,044,726	29,542,329,529	77,508,973,943
Dịch vụ khác	3,552,511,810	6,419,078,327	6,039,211,553	6,988,716,311
	503,593,048,465	330,847,347,241	784,901,132,182	331,579,914,442

24. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Hợp đồng xây dựng (TĐ05)	438,149,074,452	228,779,837,211	693,814,436,204	228,779,837,211
Hợp đồng nâng cấp, sửa chữa khác	16,529,099,708	57,678,862,401	17,816,602,435	57,678,862,401
Dịch vụ khác	4,973,500	4,983,561,018	117,483,256	4,983,561,018
	<u>454,683,147,660</u>	<u>291,442,260,630</u>	<u>711,748,521,895</u>	<u>291,442,260,630</u>
25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lãi tiền gửi	416,469,503	2,096,780,007	2,161,828,630	8,220,338,723
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,181,669,749	988,010,495	2,920,080,444	994,526,217
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	278,707,982	1,276,271,509	278,707,982	
	<u>1,876,847,234</u>	<u>4,361,062,011</u>	<u>5,360,617,056</u>	<u>9,214,864,940</u>
26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lãi tiền vay	15,122,068,925	15,944,937,684	27,611,916,316	31,714,656,273
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	185,491,892	104,218,584	1,018,831,271	372,480,572
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12,473,570,374	972,919,128	12,473,570,374	584,588,106
	<u>27,781,131,191</u>	<u>17,022,075,396</u>	<u>41,104,317,961</u>	<u>32,671,724,951</u>
27. LÃI/LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC				
	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Thu nhập khác	535,958,785	152,966,450	577,882,743	209,810,261
Chi phí khác	10,698,166	7,173,834,025	1,754,278,050	11,446,313,908
Lãi/ (lỗ) từ hoạt động khác	<u>525,260,619</u>	<u>(7,020,867,575)</u>	<u>(1,176,395,307)</u>	<u>(11,236,503,647)</u>
28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH				

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND		
Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế	16,261,114,991	11,875,413,292	21,643,368,629	(8,732,084,969)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	5,207,000	12,959,654,776	5,207,000	12,959,654,776
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(54,209,842)	(306,905,531)	(54,209,842)	(306,905,531)
Thu nhập/ (lỗ) chịu thuế	16,212,112,149	24,528,162,537	21,594,365,787	3,920,664,276
Thu nhập/ (lỗ) chịu thuế suất 10%	12,422,336,750	20,214,913,300	17,285,308,245	3,640,986,654
Thu nhập/ (lỗ) chịu thuế suất thông thường	3,789,775,399	4,313,249,237	4,309,057,542	279,677,622
Lỗ năm trước mang sang	(16,212,112,149)	(24,528,162,537)	(21,594,365,787)	(3,920,664,276)
Lỗ chịu thuế suất 10%	(12,422,336,750)	(20,214,913,300)	(17,285,308,245)	(3,640,986,654)
Lỗ chịu thuế suất thông thường	(3,789,775,399)	(4,313,249,237)	(4,309,057,542)	(279,677,622)
Thu nhập/ (lỗ) chịu thuế đã điều chỉnh	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất thông thường cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất thông thường theo quy định hiện hành. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong hai năm tiếp theo.

- Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường trên lợi nhuận tính thuế của Công ty.

Trong kỳ, Công ty không trích thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty không có thu nhập tính thuế.

29. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND		
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16,261,114,991	11,875,413,292	21,643,368,629	(8,732,084,969)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	59,489,787	59,489,787	59,489,787	59,489,787
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	273.34	199.6	363.8	(146.8)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Số dư với các bên liên quan (cổ tức 2012) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

	30/06/2015	31/12/2014
	VND	VND
Số dư các khoản phải trả khác (*)		
Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam	2.2939.628.500	2.239.628.500
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt Xô	<u>1.080.650.000</u>	<u>1.080.650.000</u>



Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng



Ngày 10 tháng 07 năm 2015

